

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 09/10/2019.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Bá Hóa.
2. Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2019/TLST-HNGĐ, ngày 09/8/2019, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXX-ST, ngày 24 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị T yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Chị T và anh M tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào năm 2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh M vào tỉnh Bình Dương làm ăn sinh sống. Khi chị T mang thai thì về nhà cha mẹ ở thôn Q, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam sinh con; con chung được khoảng 7 tháng thì đưa về nhà anh M ở thôn 4, xã N sinh sống. Trong thời gian ở đây, anh M thường xuyên uống rượu, không chịu đi làm kiếm tiền nuôi vợ con; ngoài ra anh M còn ghen

tuông, đánh đập chị T. Không chịu nổi cảnh sống như vậy nên từ khoảng tháng 9/2018, chị T đưa con chung về lại Thăng Bình – Quảng Nam sống và ly thân với anh M từ đó. Hiện tại chị T không còn tình cảm với anh M, không mong muốn được hòa giải đoàn tụ mà cương quyết ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị T và anh M có người con chung tên là Nguyễn Kim Ng, sinh năm 2017. Khoảng trước tháng 7/2019 thì cháu Ng ở với chị T tại Quảng Nam, từ tháng 7/2019 đến nay anh M đưa cháu Ng về N sinh sống. Hiện tại cháu Ng là con gái, chưa được 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Do đó khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền nuôi cháu Ng và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị T đang làm công nhân may, thu nhập bình quân 5 triệu đồng/tháng và có chỗ ở ổn định, đủ điều kiện nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ chị T cung cấp: Bản chính giấy đăng ký kết hôn, bản sao khai sinh con chung, bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và bản tự khai.

Bị đơn - anh Nguyễn Văn M trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M với chị T tìm hiểu với nhau khoảng được 1 năm, sau đó tự nguyện đi đến hôn nhân. Anh M, chị T kết hôn năm 2016, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N. Những nguyên nhân chị T trình bày để yêu cầu ly hôn với anh M là không đúng thực tế. Anh M xác định nguyên nhân chị T yêu cầu được ly hôn là do vợ chồng bất đồng với nhau về nơi ở sau khi kết hôn; cụ thể chị T muốn sống gần cha mẹ ở Quảng Nam còn anh M thì lại muốn vợ chồng sống ở N. Hiện nay, anh M cũng đồng ý ly hôn với chị T, bởi vì anh M nhận thấy có vẻ chung sống lại với nhau cũng không có hạnh phúc.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh M và chị T có người con chung tên Nguyễn Kim Ng, sinh năm 2017, hiện tại cháu đang ở với anh M tại thôn 4, xã N. Khi ly hôn, anh M cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh M không đồng ý giao cháu Ng cho chị T nuôi dưỡng vì điều kiện, môi trường sống của chị T ở Quảng Nam không tốt bằng ở N.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh M cung cấp tài liệu, chứng cứ: Bản sao chứng minh nhân dân và bản tự khai.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án: Xử cho chị T được ly hôn với anh M; đề nghị giao cháu Ng cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Buộc chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp, chị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày, nghe tranh luận và nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên Tòa, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn M đều công nhận vợ chồng tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào năm 2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Sau đó vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống trong nhiều vấn đề. Từ khoảng tháng 7/2019, vợ chồng đã không chung sống với nhau cho đến nay. Hiện tại chị T không còn tình cảm gì với anh M và cương quyết ly hôn. Anh M cũng thừa nhận trong thời gian gần đây vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường nảy sinh mâu thuẫn và không còn quan tâm gì đến nhau. Anh M cũng thuận tình ly hôn với chị T chứ không mong muốn đoàn tụ chung sống. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh M, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn M có người con chung tên Nguyễn Kim Ng, sinh năm 2017. Hiện nay người con chung đang sống với anh M tại thôn 4, xã N. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng người con chung cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh M cấp dưỡng. Anh Nguyễn Văn M cũng có yêu cầu được nuôi người con chung cho đến khi thành niên và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T và anh M đều tranh chấp quyền nuôi con chung và không có thỏa thuận nào khác phù hợp với lợi ích của cháu Ng.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn của các bên đương sự là hoàn toàn chính đáng và phù hợp. Tuy nhiên, việc xem xét giao con cho chị T hay anh M chăm sóc, nuôi dưỡng phải đảm

bảo được điều kiện phát triển tốt nhất về mọi mặt cho con chung. Xét về điều kiện việc làm, thu nhập và chỗ ở của chị T và anh M; Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay chị T và anh M đều có việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định. Tuy nhiên, xét về điều kiện thời gian để chăm sóc con chung thì hiện tại, anh M ngoài công việc làm nông thì còn làm nghề phụ xe tải, đặc điểm công việc phải đi sớm về trễ, không có điều kiện tốt nhất về thời gian để chăm sóc con chung. Trong khi đó, cháu Ng sinh ngày 08/7/2017; tại thời điểm giải quyết ly hôn thì cháu Ng dưới 36 tháng tuổi và là con gái, cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu về con chung của chị T; buộc anh M phải giao cho chị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên Nguyễn Kim Ng, sinh năm 2017 cho đến khi thành niên theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn M đều không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[4] *Về án phí*: Cần buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại các Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147 và 203 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 55; Các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Văn M.

- *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Buộc anh Nguyễn Văn M phải giao cháu Nguyễn Kim Ng, sinh năm 2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ng cho đến khi thành niên. Anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, chị T không được ngăn cản.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N.0026908, ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm. Các đương sự có mặt tại phiên Tòa đều được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 09/10/2019 (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng, án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hạ Hải Hồ